

-(으)ㄴ 마당에

vào lúc như thế này, khi mọi chuyện tệ đến vậy

Nêu một tình huống ngặt nghèo và dùng nó để gạt bỏ một điều gì đó là không thể nghĩ tới. 마당 nghĩa là cái sân — theo nghĩa bóng, là chỗ đứng mà bạn đang gặp phải.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ 마당에	망하다 → 망할 마당에
Kết thúc bằng phụ âm	-을 마당에	먹다 → 먹을 마당에
Tình huống đã xảy ra	-(으)ㄴ 마당에	헤어진 마당에
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들 마당에
Mệnh đề sau	gạt bỏ, thường là câu hỏi	... 무슨 소용이에요?
Tình huống phải	nghiêm trọng	tình huống bình thường không hợp

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng rút gọn khi có ㄹ: 만들 다 thành 만들 마당에. Dạng hoàn tất -(으)ㄴ 마당에 cũng phổ biến như vậy. 마당 có dấu cách.

Tình huống được nêu phải nghiêm trọng hoặc tuyệt vọng — công ty sắp phá sản, hạn chót đổ vỡ, một mối quan hệ kết thúc. Nó không dùng được với hoàn cảnh bình thường.

Mệnh đề sau gạt bỏ một điều gì đó là không thể, và rất thường có dạng câu hỏi tu từ: 회사가 망할 마당에 승진이 무슨 소용이에요?

Giọng điệu mạnh mẽ và đầy cảm xúc. Nó thuộc về văn nói và văn viết giàu kịch tính hơn là báo cáo trung tính.

Ví dụ trong câu

- 1 회사가 망할 마당에 승진이 무슨 소용이에요?
Công ty sắp phá sản đến nơi rồi, thăng chức thì có ích gì?
- 2 이미 헤어진 마당에 이유를 따져서 뭐 하겠어요.
Chia tay rồi thì cãi nhau vì lý do gì nữa có ích gì?
- 3 마감이 내일인 마당에 새로 시작할 수는 없다.
Hạn chót là ngày mai rồi, không thể làm lại từ đầu được.
- 4 당장 먹을 것도 없는 마당에 여행이라니요.
Đến cái ăn còn không có, mà lại nói chuyện đi du lịch?
- 5 다시 만들 마당에 굳이 고칠 필요가 있을까요?
Đã nào cũng làm lại, thì sửa có ý nghĩa gì không?
- 6 이렇게 된 마당에 숨길 이유가 없습니다.
Sự việc đã đến nước này, không có lý do gì phải giấu nữa.

So sánh với

- (으)ㄴ/는 이상
이상 lấy một sự thật đã rõ và nêu nghĩa vụ; 마당에 lấy một khủng hoảng và gạt bỏ một lựa chọn. Một cái là cam kết, cái kia là loại trừ.
시작한 이상 끝내야 한다. (đã bắt đầu thì phải làm xong) / 망할 마당에 무슨 소용인가. (sắp sụp đổ rồi thì có ích gì)
- (으)ㄴ 지경이다
지경이다 mô tả chính trạng thái cực điểm; 마당에 dùng nó làm tiền đề để gạt bỏ một điều khác.
쓰러질 지경이에요. (tôi sắp gục đến nơi) / 쓰러질 마당에 일이라니요. (trong tình trạng này mà còn làm việc?)

- 는데
-는데 dựng bối cảnh một cách trung tính; 마당에 làm nó mang tính cấp bách và thường dẫn tới câu hỏi tu từ.
바쁘는데 어떻게 가요? (tôi bận) / 망할 마당에 어떻게 가요? (khi mọi thứ đang sụp đổ)

Lưu ý

- X 날씨가 좋을 마당에 산책을 갔어요.
O 날씨가 좋아서 산책을 갔어요.
마당에 đòi hỏi tình huống nghiêm trọng hoặc tuyệt vọng. Với hoàn cảnh bình thường, hãy dùng đuôi chỉ lý do thông thường.
- X 다시 만들을 마당에 고칠 필요가 있을까요?
O 다시 만들 마당에 고칠 필요가 있을까요?
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 지경이다.
- X 회사가 망할 마당에 승진했어요.
O 회사가 망할 마당에 승진이 무슨 소용이에요?
Mệnh đề sau gạt bỏ điều gì đó là vô ích. Một câu nêu sự thật đơn thuần khiến câu trúc bị lủng lổ.